

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17/9/2020.

V/v “Tranh chấp về hôn nhân và
gia đình - xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Văn Sang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Hồ Thị Mai Hương**

2. Ông **Phạm Phước Tâm**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Thanh Tú** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 17/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 313/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn*”. Theo thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 27/2020/TB-TA ngày 01/9/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Lê Thị Minh C**, sinh năm 1971;

Địa chỉ: khóm M Th, TT. M T, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: **Nguyễn Thanh H** sinh năm 1968;

Địa chỉ: tổ 16, ấp M Đ N, xã M T, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị C có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải ngày 03/8/2020 nguyên đơn Lê Thị Minh C trình bày: Chị và anh H chung sống với nhau như vợ chồng năm 1986, được sự đồng ý của hai bên gia đình, tổ chức lễ cưới vào năm 1987, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau khi kết hôn thì cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và bất đồng quan điểm sống. Khi mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng thì chị và anh H đã ly thân (khoảng 10 năm). Kể từ thời gian ly thân, vợ chồng không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ

chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Lê D, sinh ngày 15/9/1988 và Nguyễn Thị Lê H, sinh ngày 05/8/1992, các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản hòa giải ngày 03/8/2020 bị đơn Nguyễn Thanh H trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất với nội dung trình bày của chị C về thời gian chung sống cũng như mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Hiện nay, hai vợ chồng đã ly thân, không còn quan tâm lẫn nhau, anh cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Việc chị C yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Lê D, sinh ngày 15/9/1988 và Nguyễn Thị Lê H, sinh ngày 05/8/1992, các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:**

- Giấy chứng minh nhân dân (photo), sổ hộ khẩu (bản sao);
- 01 đơn xin xác nhận nơi cư trú ngày 15/5/2020 (bản chính);
- 02 giấy trích lục khai sinh con chung (bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Minh C về việc yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn*”. Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện nay đang cư trú tại xã M T, huyện Cao Lãnh, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Nguyễn Thanh H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị Minh C và anh Nguyễn Thanh H chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1986, nhưng chị C và anh H không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, tại Nghị quyết số 35/2000/NQ – QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và Thông tư số 01/2001/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 03/01/2001 quy định “Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; Trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án ly hôn theo thủ tục chung”. Như vậy, hôn nhân giữa chị C và anh H là hôn nhân thực tế, được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Tại biên bản hòa giải, anh H xác định thời gian đầu anh và chị C chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm trong cuộc sống. Hiện nay, vợ chồng không còn sống chung và không còn quan tâm lẫn nhau. Anh H không đồng ý ly hôn với chị C nhưng không đưa ra được biện pháp hữu hiệu nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng và chị C cũng không đồng ý hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh H. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị C yêu cầu được ly hôn với anh H là có cơ sở để chấp nhận.

- Về con chung: Chị C và anh H có 02 con chung tên Nguyễn Thị Lê D, sinh ngày 15/9/1988 và Nguyễn Thị Lê H, sinh ngày 05/8/1992, các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì chị C phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị C đã nộp theo biên lai số 0003822 ngày 19/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 51, 53 và 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 35/2000/NQ – QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Minh C.

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị Minh C được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H.

- Về con chung: Các con chung tên Nguyễn Thị Lê D, sinh ngày 15/9/1988 và Nguyễn Thị Lê H, sinh ngày 05/8/1992 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Lê Thị Minh C phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị C đã nộp theo biên lai số 0003822 ngày 19/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- CCTHADS HCL;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Châu Văn Sang